

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17- 9-2019

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ - sinh năm: 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: 2Ô2/14 khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Võ Văn L - sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 7Ô2/14 khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ trình bày:

Vào năm 2004, bà Trần Thị Đ và ông Võ Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 146 quyển số 04/2008 ngày 10 tháng 5 năm 2008.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông L không quan tâm lo lắng cho cuộc sống gia đình đồng thời do

sống chung bên gia đình chồng, cuộc sống chung phức tạp, xảy ra nhiều mâu thuẫn giữa mẹ chồng, em chồng và nàng dâu. Vì vậy, hai vợ chồng chung sống nhưng không mang lại hạnh phúc và ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn. Nay, bà Đ xác định hai bên không thể quay về đoàn tụ và tình cảm dành cho nhau cũng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có 02 con chung là Võ Văn T - sinh ngày 19 tháng 6 năm 2006 và Võ Văn P- sinh ngày 7 tháng 5 năm 2013. Từ khi ly thân đến nay, con chung sống trực tiếp với bà Đ. Nay, bà Đ yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung. Bà Đ không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Võ Văn L:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện ông L có đăng ký nhân khẩu thường trú và đang sinh sống trực tiếp tại địa chỉ bà Đ cung cấp nhưng thường đi làm vắng nhà nên không lấy được ý kiến của ông L.

Đại diện VKS nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn ông Võ Văn L triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Đ ly hôn với ông L; giao hai con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Văn L hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Đ và ông Võ Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Đ xác định hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và cuộc sống chung với gia đình chồng phức tạp, phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa mẹ chồng, em chồng và nàng dâu. Từ đó, chung sống nhưng không mang lại hạnh phúc mà chỉ gây đau khổ cho nhau. Vì vậy, năm 2015, bà Đ đưa hai con về bên gia đình cha mẹ ruột của mình sinh sống và hai vợ chồng cũng ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân, hai người ai chỉ biết bổn phận của người đó, mạnh ai nấy sống đồng thời cũng không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên quay về đoàn tụ nhưng ông L không đến, bỏ mặc bà Đ muốn làm gì thì làm điều đó cho thấy ông L không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai người. Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng trước đây chung sống thì được biết vợ chồng không sống chung với nhau là có thật, còn nguyên nhân như thế nào thì địa phương không rõ.

Xét, vợ chồng bà Đ đã không còn chung sống với nhau nhiều năm, không ai còn quan tâm đến ai, hai bên không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Đ xác định vợ chồng có 02 người con chung là Võ Văn T - sinh ngày 19 tháng 6 năm 2006 và Võ Văn P- sinh ngày 7 tháng 5 năm 2013. Xét thấy, cháu P còn quá nhỏ, chưa đủ 7 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ; cháu T thì đã 13 tuổi nhưng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hơn nữa, ông L làm nghề đi biển nên thời gian không đảm bảo để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Ngoài ra, từ khi ly thân đến nay các cháu đã sống trực tiếp với mẹ và anh em đã quen sống chung với nhau nên nếu tách ra sẽ ảnh hưởng không tốt về tâm lý, tình cảm của hai cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cả hai con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Võ Văn L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Võ Văn L.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao 02 con chung tên là Võ Văn T - sinh ngày 19 tháng 6 năm 2006 và Võ Văn P- sinh ngày 7 tháng 5 năm 2013 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Bà Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông L và bà Đ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0010725 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyên